

ANSWER UNIT 2 CITY LIFE
NGỮ PHÁP CHUYÊN SÂU LỚP 9 NÂNG CAO

Bài 1 :

- | | |
|------------------|----------------------|
| 1. faster | 9. slower |
| 2. more populous | 10. worse |
| 3. more densely | 11. better |
| 4. more reliable | 12. more familiar |
| 5. better | 13. more beautifully |
| 6. further | 14. more polluted |
| 7. happier | 15. more helpful |
| 8. healthier | |

Giải thích :

- Cấu trúc so sánh với tính từ ngắn : “S1 + to be + **adj** + **er** + **than** + S2”
- Cấu trúc so sánh với tính từ dài : “S1 + to be + **more** + **adj** + **than** + S2”
- Cấu trúc so sánh với trạng từ ngắn : “S1 + V + **adv** + **er** + **than** + S2”
- Cấu trúc so sánh với trạng từ dài : “S1 + V + **more** + **adv** + **than** + S2”

Bài 2 :

- | | |
|------------------|-------------------|
| 1. faster | 6. more severe |
| 2. more poorly | 7. higher |
| 3. less | 8. more cleverly |
| 4. harder | 9. more smoothly |
| 5. more brightly | 10. more fluently |

Giải thích : Dựa vào câu để xác định dùng dạng so sánh hơn của tính từ hay trạng từ : Tính từ thường đứng sau “to be” hoặc trước danh từ để bổ nghĩa cho danh từ đó. Trạng từ thường đứng trước hoặc sau động từ và bổ nghĩa cho động từ.

-Cấu trúc so sánh với tính từ ngắn : “S1 + to be + **adj** + **er** + **than** + S2”

-Cấu trúc so sánh với tính từ dài : “S1 + to be + **more** + **adj** + **than** + S2”

-Cấu trúc so sánh với trạng từ ngắn : “S1 + V + **adv** + **er** + **than** + S2”

-Cấu trúc so sánh với trạng từ dài : “S1 + V**more** + **adv** + **than** + S2”

Bài 3 :

1. most intelligent

Josh là học sinh thông minh đứng thứ hai trong lớp.

2. more convenient

Giá như giao thông ở trị trấn của tôi thuận tiện hơn.

3. the most polluted

Hà Nội là một trong những thành phố ô nhiễm nhất trên thế giới.

4. more spacious

Tôi ước nhà tôi rộng rãi hơn.

5. the most stunning

Cho đến giờ, đây là cảnh tượng đẹp nhất mà tôi từng xem.

6. the tallest

Anh ta có vẻ là người cao nhất trong đám trẻ cùng tuổi.

7. better

Bạn làm khá tốt nhưng tôi đã kì vọng bạn làm tốt hơn. Bạn làm tôi có chút thất vọng.

8. the most inspiring

Đây hẳn là bài phát biểu truyền cảm hứng nhất của bạn.

9. better

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

Hotline: 0902196677

Thú thật là tôi đã trông chờ một màn biểu diễn tốt hơn của bạn. Bạn đã không chuẩn bị kỹ đúng không?

10. the most expensive

Đây không phải là chiếc xe đắt nhất trong phòng trưng bày. Có rất nhiều xe khác có giá cao hơn.

Giải thích : Dựa vào ngữ cảnh để sử dụng dạng so sánh hơn hay so sánh nhất của tính từ.

Bài 4 :

1. My old house is smaller than the current one.
2. He was expected to perform worse than he did.
3. This time Mike's brother run more slowly than him.
4. I think Jim will have a lower position in your company than you.
5. I decorated my cake less beautifully than Jane did.
6. Last year Peter invested a smaller amount of money on his business than this year.
7. Jim's computer is cheaper than mine.
8. Playing computer games is more time-consuming than playing sports.

Bài 5 :

1. Residents of Ho Chi Minh City are more dynamic than residents of Ha Noi city.
2. Ha Noi City is less populous than Ho Chi Minh City. (*populous* : đông dân cư)
3. Ho Chi Minh City is more populous than Ha Noi City.
4. Ha Noi City is larger than Ho Chi Minh City.
5. Ho Chi Minh City is smaller than Ha Noi City.
6. Ha Noi City is less densely-populated than Ho Chi Minh City.
7. Ho Chi Minh City is more densely-populated than Ha Noi City.
8. In winter, it is colder in Ha Noi than in Ho Chi Minh.
9. In winter, it is warmer in Ho Chi Minh than in Ha Noi.

Fanpage : <https://www.facebook.com/luenthiamax>

Bài 6 :

1. A. after

take after giống với

2. B. for

wait for : chờ đợi

3. A. on

agree on : đồng ý (về việc gì)

4. C. into

run into : tình cờ gặp

5. A. up

use up : dùng hết

6. C. for

look for : tìm kiếm

7. B. in

believe in : tin tưởng vào

8. B. up

stay up : thức

9. A. over

take over : đảm nhiệm

10. B. up

pick up : đón

11. C. off

take off : cởi bỏ

12. B. up

make up : bịa ra, tạo ra

13. C. off

see off : tiễn.

14. B. down

put down : ghi chép lại

15. B. together

keep together : gắn bó

Bài 7 :

1. put

put on : mặc vào

2. got

get down : làm thất vọng

3. tells

tell off : la rầy

9. put

put out : đưa ra

10. Take

take off : cởi bỏ

11. paying

pay back : trả nợ

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

Hotline: 0902196677

4. turned

turn down : từ chối

5. look

look after : trông nom

6. break

break up : chia tay

7. drop

drop off : thả xuống xe

8. saving

save up : tiết kiệm

12. got

get down : làm thất vọng

13. passed

pass away : qua đời

14. attend

attend to : chú ý tới

15. belong

belong to : thuộc về

Bài 8 :

1. off

set off : bắt đầu hành trình

2. after

take after : giống với ai đó

3. over

take over : đảm nhiệm

4. into

cut into : cắt thành

5. away

put away : cất đi

6. out

put out : mang ra ngoài

7. off

take off : cởi bỏ

8. up

shut (sb) up : ngăn không cho ai nói

9. for

look for : tìm kiếm

10. watch

watch out : coi chừng

Bài 9 :

1. *Lỗi sai* : take you after

Sửa : take after you

2. *Lỗi sai* : use the natural resources up

Sửa : use up the natural resources

Fanpage : <https://www.facebook.com/luventhiamax>

3. *Lỗi sai* : agreed me with
Sửa : agreed with me
4. *Lỗi sai* : broke them up
Sửa : broke up
5. Câu đúng
6. Câu đúng
7. *Lỗi sai* : clear your room up
Sửa : clear up your room
8. *Lỗi sai* : runmy old teacher into
Sửa : run into my old teacher
9. *Lỗi sai* : showing her jewelry off
Sửa : showing off her jewelry
10. *Lỗi sai* : agreed with (đồng ý với ai đó)
Sửa : agreed on : đồng ý với điều gì
Giải thích : Các câu sai ở trên (trừ câu 10) đều sai về vị trí của tiểu từ và tân ngữ. Trong các câu đó, phrasal verbs có động từ và tiểu từ luôn đứng cạnh nhau.

Bài 10 :

1. Yesterday the plane took off earlier than I expected.
2. My mother looks after us more carefully than my father.
3. They cut the big cake into smaller parts than I thought.
4. My sister even tells me off more often than my mother does.
5. Who did you see off yesterday?
6. It is cold today so I put on warmer clothes than usual.
7. Yesterday my father picked me up later than usual.
8. You are the prettiest girl I have ever known.

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

Hotline: 0902196677

9. Unless you listen attentively to you teacher, you will not catch up with your friends.
10. By far, “The Little Prince” is my most favorite book.

Bài 11 :

1. more tranquil

Tôi thích sống ở miền quê hơn là thành phố vì ở quê thì yên bình hơn. Tôi thực sự thích những khoảng khắc yên bình của cuộc sống.

2. more polluted

Mặc dù thành phố ô nhiễm hơn nông thôn, có nhiều hoạt động giải trí hơn mà tôi thực sự thích ở thành phố.

3. more ancient

Tôi không thể tin được cái bình này đã hơn 100 tuổi. Nó cổ hơn tôi nghĩ.

4. more densely

Thành phố thì luôn luôn đông đúc hơn nông thôn.

5. more populous

Thị trấn của tôi thì đông dân hơn rất nhiều so với 10 năm trước. Tôi nhớ là đã từng chỉ có vài ngôi nhà trong một vùng rộng lớn.

6. more spacious

Nhà ở nông thôn thì rộng rãi hơn nhà ở thành thị.

7. better

Người trẻ tuổi thường điều chỉnh tốt hơn với thay đổi hơn là người già.

8. faster

Số lượng các tòa nhà chọc trời ở thành phố đang tăng nhanh hơn bao giờ hết.

Bài 12 :

1. see off

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

Hotline: 0902196677

Tôi đã nhìn thấy rất nhiều người bật khóc khi họ tiễn bạn bè và người thân của họ ở sân bay.

2. agree with

Bạn có đồng ý với tôi rằng bạn đã không đủ cố gắng không?

3. told...off

Cô giáo bạn đã bao giờ mắng bạn chưa? Chưa, chưa từng. Cô ấy rất tốt.

4. haven't... paid

Tuần trước tôi đã mượn Tom \$50 để mua sách nhưng tôi chưa trả tiền cậu ấy.

5. pulled out

Bạn trai tôi bước về phía tôi và lấy ra một món quà nhỏ.

6. believe in

Tôi chưa bao giờ tin vào ma nhưng anh trai tôi thì luôn luôn sợ chúng.

7. Watch out

Coi chừng! Có một chiếc ô tô đang đến.

8. makes up

Tôi ghét cái cách Peter nói dối và bịa chuyện để lừa mọi người.

9. saved up

Bạn đã tiết kiệm đủ tiền để mua xe mới chưa?

10. get-down

Tôi hứa với mẹ tôi sẽ không để bà thất vọng, vậy nên tôi cố hết sức để đạt điểm cao.

Bài 13 :

1. A. more peaceful

Giải thích : Sử dụng dạng so sánh hơn của tính từ dài “peaceful”.

2. A. less polluted

Giải thích : sử dụng dạng so sánh với “less” của tính từ dài “polluted”.

3. A. However

Fanpage : <https://www.facebook.com/luventhiamax>

4. A. much weaker

Giải thích : sử dụng dạng so sánh hơn của tính từ ngắn “weak”.

5. B. Besides

6. C. face to up : đối mặt với

7. D. better

Giải thích : sử dụng dạng so sánh hơn của trạng từ “well”.

8. B.put up with : chịu đựng

Bài 14 :

1. NG

2. F

Dẫn chứng : City dwellers often have a hectic pace of life, which means that they rarely have enough time for recreational activities.

3. T

Dẫn chứng : People have to work hard and compete fiercely to earn a decent living, which puts people under a lot of pressure.

4. F

Dẫn chứng : Furthermore, people have to put up with heavy pollution in the city.

5. NG

6. T

Dẫn chứng : While many people move to the city with hope of find a job, their dreams turn sour due to the competitive job market... Poorly-trained workers from rural areas may become jobless in the city.